

**BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KCB TẠI PHÒNG KHÁM CHẤT LƯỢNG CAO
HÀ NỘI - BẮC NINH**

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
1	Khám Ngoại tổng hợp	36,500	50,000
2	Khám Nội tổng hợp	36,500	50,000
3	Khám Phục hồi chức năng	36,500	50,000
4	Khám Y học cổ truyền	36,500	50,000
5	Siêu âm các tuyến nước bọt	58,600	100,000
6	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	58,600	120,000
7	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	89,300	
8	Siêu âm doppler động mạch thận	252,300	
9	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	252,300	360,000
10	Siêu âm doppler gan lách	89,300	
11	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	252,300	
12	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	89,300	
13	Siêu âm doppler tim, van tim	252,300	250,000
14	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	89,300	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
15	Siêu âm doppler tử cung phần phụ	89,300	
16	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	89,300	
17	Siêu âm doppler tuyến vú	89,300	
18	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	89,300	
19	Siêu âm dương vật	58,600	100,000
20	Siêu âm hạch vùng cổ	58,600	120,000
21	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	58,600	70,000
22	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	58,600	120,000
23	Siêu âm màng phổi	58,600	
24	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	58,600	120,000
25	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	58,600	120,000
26	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	58,600	120,000
27	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	58,600	120,000
28	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	58,600	120,000
29	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	58,600	120,000
30	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	58,600	120,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
31	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	58,600	120,000
32	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	252,300	250,000
33	Siêu âm tinh hoàn hai bên	58,600	100,000
34	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	58,600	100,000
35	Siêu âm tử cung phần phụ	58,600	100,000
36	Siêu âm tuyến giáp	58,600	120,000
37	Siêu âm tuyến vú hai bên	58,600	120,000
38	Chụp X-quang Blondeau	73,300	100,000
39	Chụp X-quang Blondeau	73,300	100,000
40	Chụp X-quang Blondeau	105,300	100,000
41	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	73,300	
42	Chụp X-quang Chausse III	73,300	
43	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	73,300	
44	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	105,300	
45	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	73,300	120,000
46	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	105,300	120,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
47	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	130,300	
48	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	73,300	120,000
49	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	105,300	120,000
50	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	73,300	120,000
51	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	105,300	120,000
52	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	73,300	120,000
53	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	105,300	120,000
54	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	73,300	120,000
55	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	105,300	120,000
56	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	73,300	
57	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn	73,300	120,000
58	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn	105,300	120,000
59	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	73,300	
60	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	105,300	
61	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	73,300	120,000
62	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	105,300	120,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
63	Chụp X-quang đại tràng	304,800	
64	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	73,300	100,000
65	Chụp X-quang hàm chéo một bên	73,300	100,000
66	Chụp X-quang Hirtz	73,300	100,000
67	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng	73,300	100,000
68	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	73,300	120,000
69	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	105,300	120,000
70	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	130,300	
71	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	73,300	120,000
72	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	73,300	100,000
73	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	73,300	100,000
74	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	73,300	100,000
75	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	73,300	100,000
76	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	73,300	120,000
77	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	105,300	120,000
78	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	73,300	120,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
79	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo	73,300	120,000
80	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo	105,300	120,000
81	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo	73,300	100,000
82	Chụp X-quang khớp vai thẳng	73,300	100,000
83	Chụp X-quang khung chậu thẳng	73,300	100,000
84	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	73,300	120,000
85	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	105,300	120,000
86	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	73,300	
87	Chụp X-quang mỏm trâm	73,300	
88	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	73,300	120,000
89	Chụp X-quang ngực thẳng	73,300	100,000
90	Chụp X-quang ngực thẳng	73,300	100,000
91	Chụp X-quang ruột non	264,800	
92	Chụp X-quang Schuller	73,300	120,000
93	Chụp X-quang Schuller	73,300	120,000
94	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	105,300	120,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
95	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	73,300	120,000
96	Chụp X-quang Stenvers	73,300	
97	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	264,800	280,000
98	Chụp X-quang thực quản dạ dày	264,800	280,000
99	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	73,300	120,000
100	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	105,300	120,000
101	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	73,300	120,000
102	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	105,300	120,000
103	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	73,300	120,000
104	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	105,300	120,000
105	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	73,300	100,000
106	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	105,300	100,000
107	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	73,300	120,000
108	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	105,300	120,000
109	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	73,300	120,000
110	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	105,300	120,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
111	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	73,300	120,000
112	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	105,300	120,000
113	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	73,300	100,000
114	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	73,300	120,000
115	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	105,300	120,000
116	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	73,300	120,000
117	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	105,300	120,000
118	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo	73,300	100,000
119	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	73,300	120,000
120	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	105,300	120,000
121	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	73,300	120,000
122	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	105,300	120,000
123	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	73,300	120,000
124	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	105,300	120,000
125	Định lượng Acid Uric [Máu]	22,400	50,000
126	Định lượng Albumin [Máu]	22,400	40,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
127	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	22,400	50,000
128	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	22,400	50,000
129	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28,000	40,000
130	Định lượng Creatinin (máu)	22,400	35,000
131	Định lượng Glucose [Máu]	22,400	35,000
132	Định lượng HbA1c [Máu]	105,300	
133	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28,000	40,000
134	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28,000	40,000
135	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	22,400	50,000
136	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28,000	40,000
137	Định lượng Urê máu [Máu]	22,400	35,000
138	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	42,100	
139	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)	42,100	50,000
140	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	44,800	
141	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	44,800	
142	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22,400	35,000

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
143	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	22,400	70,000
144	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22,400	35,000
145	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	20,000	35,000
146	Đốt hộng hạt bằng nhiệt	89,400	
147	Điện tim thường	39,900	70,000
148	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	58,400	
149	Cứu	37,000	70,000
150	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	37,000	
151	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	37,000	
152	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	37,000	
153	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	37,000	
154	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	37,000	
155	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	37,000	
156	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	37,000	
157	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	37,000	
158	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	37,000	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
159	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	37,000	
160	Cứu điều trị nấc thể hàn	37,000	
161	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	37,000	
162	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	37,000	
163	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	37,000	
164	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	37,000	
165	Đặt ống thông hậu môn	92,400	
166	Đặt sonde bàng quang	101,800	
167	Điện châm	78,300	70,000
168	Điện châm điều trị cảm mạo	78,300	
169	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	78,300	
170	Điện châm điều trị giảm đau do zona	78,300	
171	Điện châm điều trị hội chứng stress	78,300	
172	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	78,300	
173	Điện châm điều trị huyết áp thấp	78,300	
174	Điện châm điều trị lác cơ năng	78,300	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
175	Điện châm điều trị liệt chi trên	78,300	
176	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	78,300	
177	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	78,300	
178	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	78,300	
179	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	78,300	
180	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	78,300	
181	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	78,300	
182	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	78,300	
183	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	78,300	
184	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	78,300	
185	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	78,300	
186	Điện châm điều trị ù tai	78,300	
187	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	78,300	
188	Điều trị bằng các dòng điện xung	44,900	
189	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	50,800	
190	Điều trị bằng siêu âm	48,700	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
191	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40,900	
192	Giác hơi điều trị các chứng đau	36,700	80,000
193	Giác hơi điều trị cảm cúm	36,700	80,000
194	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	36,700	80,000
195	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	36,700	80,000
197	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trừ)	74,600	
198	Kéo nắn cột sống cổ	54,800	
199	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	64,900	250,000
200	Kỹ thuật xoa bóp vùng	51,300	120,000
201	Lấy dị vật âm đạo	653,700	
202	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	24,800	
203	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	376,500	
204	Nhĩ châm	76,300	
205	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	313,500	
206	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	78,300	
207	Ôn châm	76,300	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
208	Soi cổ tử cung	68,100	
209	Thay băng vết mổ	89,500	
211	Thay băng vết mổ	64,300	
212	Thay băng vết mổ	193,600	
213	Thay băng vết mổ	121,400	
214	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13,600	
215	Thụt tháo	92,400	
216	Thủy châm	77,100	70,000
217	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	77,100	
218	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	77,100	
219	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	77,100	
220	Thủy châm điều trị đái dầm	77,100	
221	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	77,100	
222	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	77,100	
223	Thủy châm điều trị đau dây V	77,100	
224	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	77,100	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
225	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	77,100	
226	Thủy châm điều trị đau lưng	77,100	
227	Thủy châm điều trị đau vai gáy	77,100	
228	Thủy châm điều trị di tinh	77,100	
229	Thủy châm điều trị giảm thính lực	77,100	
230	Thủy châm điều trị hội chứng stress	77,100	
231	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	77,100	
232	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	77,100	
233	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	77,100	
234	Thủy châm điều trị lác cơ năng	77,100	
235	Thủy châm điều trị liệt chi trên	77,100	
236	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	77,100	
237	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	77,100	
238	Thủy châm điều trị liệt dương	77,100	
239	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	77,100	
240	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	77,100	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
241	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	77,100	
242	Thủy châm điều trị mất ngủ	77,100	
243	Thủy châm điều trị nấc	77,100	
244	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	77,100	
245	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	77,100	
246	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	77,100	
247	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	77,100	
248	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	77,100	
249	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28,600	60,000
250	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28,600	60,000
251	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)	43,500	70,000
252	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)	43,500	70,000
253	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	190,400	
254	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	28,400	
255	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	44,800	
256	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	58,300	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
257	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	76,000	
258	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại cơ năng	76,000	
259	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	76,000	
260	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	76,000	
261	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	76,000	
262	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	76,000	
263	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	76,000	
264	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	76,000	
265	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	76,000	
266	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76,000	
267	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	76,000	
268	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	76,000	
269	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	76,000	
270	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	76,000	
271	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	76,000	
272	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76,000	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
273	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	76,000	
274	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	76,000	
275	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76,000	
276	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76,000	
277	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76,000	
278	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	76,000	
279	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	76,000	
280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	76,000	
281	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	76,000	
282	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	76,000	
283	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	76,000	
284	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	76,000	
285	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	76,000	
286	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	76,000	
287	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	76,000	
288	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	76,000	

STT	Tên dịch vụ kỹ thuật	Giá BHYT	Giá Dịch Vụ
289	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	76,000	
290	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	76,000	
291	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	76,000	
292	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	76,000	
293	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	76,000	
294	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	76,000	
295	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	76,000	
297	Cắt hẹp bao quy đầu	1,509,500	
299	Chích lễ	76,300	
300	Chườm ngải	37,000	